

TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT
Số 105/QĐ-CĐĐS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định mức thu học phí và cách tính chi phí đào tạo
(tối thiểu) áp dụng thống nhất trong toàn trường từ năm 2019

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BLĐTB&XH ngày 12/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I; Quyết định số 1029/QĐ-LĐTBXH ngày 12/8/2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt I thành Trường Cao đẳng Nghề đường sắt; Quyết định số 130/QĐ-BLĐTBXH ngày 07/02/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề đường sắt thành Trường Cao đẳng Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng quy định trong Điều lệ Trường Cao đẳng tại Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức thu học phí và cách tính chi phí đào tạo (tối thiểu) áp dụng thống nhất trong toàn trường từ năm 2019 (Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Số tháng phải đóng học phí

1. Đối với đào tạo cao đẳng, trung cấp số tháng học viên phải đóng học phí 10 tháng/năm. Các lớp đào tạo theo hợp đồng với doanh nghiệp không thuộc Tổng công ty mẹ Đường sắt Việt Nam; hoặc theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc năm học;

2. Đối với dạy nghề thường xuyên, các khóa đào tạo ngắn hạn và các khóa đào tạo trình độ sơ cấp học phí/chi phí đào tạo được thu một lần theo số tháng học thực tế.

3. Đối với thực tập hiện trường, học sinh, sinh viên phải đóng học phí như sau:

- Thời gian thực tập mỗi đợt dưới 06 tháng: đóng toàn bộ học phí của cả đợt theo số tháng thực tế;

- Thời gian thực tập mỗi đợt từ 06 tháng trở lên: đóng thành hai lần. Lần 1 đóng trước khi đi thực tập, lần 2 đóng học phí số tháng còn lại trước khi giáo viên lập kế hoạch thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun cuối cùng của đợt thực tập.

Điều 3. Xử lý đối với học sinh, sinh viên thiếu, chậm học phí như sau:

Học sinh, sinh viên thiếu hoặc chậm đóng học phí, các khoản phí... nếu không có lý do chính đáng (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, cha mẹ mất...) ngoài bị xử lý kỷ luật theo quy chế còn bị xử lý như sau:

Không được đi thực tập hoặc không được dự thi, kiểm tra kết thúc môn học/mô-đun nếu trước ngày làm thủ tục đi thực tập sản xuất hoặc trước ngày thi, kiểm tra một tuần học sinh, sinh viên chưa đóng đủ học phí và các khoản phí theo quy định.

Điều 4. Quyết định này áp dụng từ ngày ký. Các văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

Các Ông (Bà) Trưởng Khoa đôn đốc các giáo viên chủ nhiệm phổ biến cho học sinh, sinh viên biết và theo dõi, nhắc nhở HSSV nộp học phí đầy đủ.

Điều 5. Giám đốc các phân hiệu; Trung tâm QL&NV Hà Nội; trưởng các phòng: Đào tạo, TCKT, TCHC, QLHSSV; trưởng các khoa; giáo viên chủ nhiệm và các lớp học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, HĐT;
- Như điều 5;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG


Phạm Văn Chánh

**QUY ĐỊNH VÀ CÁCH TÍNH MỨC HỌC PHÍ TỐI THIỂU
 ÁP DỤNG THỐNG NHẤT TRONG TRƯỜNG TỪ NĂM 2019**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 225/QĐ-CDĐS, ngày 19 tháng 3 năm 2019
 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Đường sắt)

Đơn vị tính: 1000 đ/tháng/HV

TT	Hệ đào tạo và nhóm nghề đào tạo	SL HV tối thiểu/lớp	Mức thu/tháng /HV (*)	Ghi chú
A	ĐÀO TẠO CHO CÔNG TY MẸ-TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM (Ngoài mức kinh phí theo hợp đồng, người học còn phải đóng mức học phí như sau)			
I	Cao đẳng	18		
1	Nhóm nghề kỹ thuật		800	
2	Nhóm nghề vận tải, kinh tế		700	
II	Trung cấp – liên thông từ Sơ cấp lên Trung cấp	18		
1	Nhóm nghề kỹ thuật		700	
2	Nhóm nghề vận tải, kinh tế		600	
III	Sơ cấp (Cấp Chứng chỉ sơ cấp/Chứng chỉ đào tạo)	15		
1	Nhóm nghề kỹ thuật		600	
2	Nhóm nghề vận tải, kinh tế		500	
IV	Bồi dưỡng nghiệp vụ (Cấp Chứng chỉ Đào tạo hoặc Giấy chứng nhận)		Theo HD với Tổng công ty ĐSVN	
V	Các lớp An toàn vệ sinh lao động		Theo HD với Tổng công ty ĐSVN	
B	ĐÀO TẠO CHO CÁC CÔNG TY CỔ PHẦN TRONG NGÀNH ĐƯỜNG SẮT; ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ; ĐƯỜNG SẮT CHUYÊN DÙNG			
I	Cao đẳng	18		
1	Nhóm nghề kỹ thuật		1.500	
2	Nhóm nghề vận tải, kinh tế		1.300	
II	Trung cấp – liên thông từ Sơ cấp lên Trung cấp	18		
1	Nhóm nghề kỹ thuật		1.400	
2	Nhóm nghề vận tải, kinh tế		1.200	
III	Sơ cấp (Cấp Chứng chỉ sơ cấp/Chứng chỉ đào tạo)	15		

1	Nhóm nghề kỹ thuật		1.350	Hoặc như phụ lục kèm theo
2	Nhóm nghề vận tải, kinh tế		1.150	Hoặc như phụ lục kèm theo
IV	Bồi dưỡng nghiệp vụ (Cấp Chứng chỉ Đào tạo hoặc Giấy chứng nhận)	15	Tính như phụ lục kèm theo	
V	Các lớp An toàn vệ sinh lao động cho các công ty cổ phần		Các khu vực tự điều chỉnh	Không thấp hơn 100.000đ/HV
C	ĐÀO TẠO NGOÀI NGÀNH ĐƯỜNG SẮT (XÃ HỘI)			
	Nguyên tắc chung mức thu vận dụng theo định mức tại mục B và chỉ mở lớp khi hạch toán có lãi. Trường hợp khó khăn và vì mục đích có việc làm cho người lao động thì mức thu cũng phải bảo đảm cân bằng thu – chi.			
D	NHÓM NGHỀ LÁI XE Ô TÔ, XE NÂNG		Các khu vực tự điều chỉnh	

GHI CHÚ:

- (*) Mức thu quy định cho lớp có số HSSV, học viên tối thiểu trở lên, trường hợp lớp có số học viên dưới mức tối thiểu thì mức học phí cho từng học viên được tính bằng tổng số học phí của lớp tối thiểu/số học viên thực tế.

- Mức thu trên chưa bao gồm chi phí đi lại, ở, công tác phí... cho các lớp tổ chức ngoài trường/phân hiệu. Trường hợp cụ thể phải tính thêm chi phí này.

- Nghiêm cấm cạnh tranh trong nội bộ Trường bằng hình thức hạ mức thu học phí, chi phí đào tạo.

Phụ lục:
CÁCH TÍNH CHI PHÍ LỚP BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
VÀ CÁC LỚP PHẢI THUÊ GIẢNG VIÊN NGOÀI TRƯỜNG

TT	NỘI DUNG	ĐƠN GIÁ	ĐVT	SL	THÀNH TIỀN
I	Chi phí trực tiếp cho giảng dạy				(.....)
1	Xây dựng mục tiêu, nội dung chương trình (A tiết)	100.000 đ	Tiết	A	100.000 đ x (A)
2	Giảng bài (A tiết tương đương B ngày)				
2.1	Giảng viên của trường	150.000 đ	Tiết	A	150.000 đ x (A)
2.2	Giảng viên thuê ngoài (giá thị trường)	C đ	Tiết hoặc ngày	A hoặc B	C đ x (A hoặc B)
II	Chi phí phòng học (Âm thanh, thiết bị phục vụ dạy học, điện, vệ sinh, phục vụ): B ngày	2,000,000	Ngày	B	2.000.000đ x (B)
III	Chi phí hoạt động chung				(.....)
1	Nước uống, y tế: (D) học viên x (B) ngày	20.000 đ			(D) x (B) x 20.000đ
2	Khai, bế giảng	2,000,000	Lớp	1	2,000.000
IV	Chi phí quản lý và phúc lợi nhà trường (30% của mục I + II + III)	30%	Lớp	1	0,3 x (I + II + III)
V	Chi phí khác				(.....)
1	Cấp giấy chứng nhận cho (D) học viên	50.000 đ	HV	D	50.000 đ x D
2	Tài liệu học viên	100,000 đ	HV	D	100.000 đ x D
	Tổng cộng:				(.....)